

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày 08/5/2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Chinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Hoài;

Bà Trần Thị Kim Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Ngọc Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 46/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Phạm Hoài T, sinh năm 1993; Địa chỉ thường trú: tổ A, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ở hiện nay: Japan, okayamaken-okayamashi nakaku Kurata 671-12 Sanraizuparezu 202. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* anh Mai Đức T1, sinh năm 1991; Địa chỉ thường trú: tổ A, khu C, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi ở hiện nay: Japan, okayamaken-okayamashi nakaku Kurata 671-12 Sanraizuparezu 202. Có mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Phạm Đình K và bà Nguyễn Thị T2; Cùng địa chỉ: số D Đ, khu C, phường V, thành phố H; Vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phạm Hoài T trình bày:* chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 kết hôn ngày 15/02/2016 tại UBND phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh T1 quay về Nhật Bản sinh sống và làm việc, năm 2016 anh T1 làm thủ tục cho chị T sang N đoàn tụ. Thời gian đầu chung sống, anh chị sống hạnh phúc. Đến năm 2019 chị T

anh T1 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn. Thời gian gần đây, chị T và anh T1 đã sống ly thân, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị T được ly hôn anh Mai Đức T1.

Về con chung: chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 có 01 con chung là cháu Mai Nhã N, sinh ngày 23/7/2019, hiện cháu đang ở với ông bà ngoại tại số D phố Đ, khu C, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Đề nghị Tòa án cho chị T được nuôi cháu Mai Nhã N, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Do chị T đang làm việc tại Nhật bản, nên các văn bản tố tụng đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ đẻ chị T là bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968, địa chỉ: số D Đ, khu C, phường V, thành phố H, bà T2 có nghĩa vụ sẽ thông báo lại cho chị T biết.

** Đối với bị đơn anh Mai Đức T1:* anh T1 đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, theo yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Hoài T, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã tiến hành ủy thác tư pháp thông qua Đ tại Nhật Bản để tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo thời gian mở phiên tòa; các tài liệu, giấy tờ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hoài T; yêu cầu anh Mai Đức T1 có mặt theo thời gian, địa điểm mà Tòa án đã thông báo để giải quyết vụ án. Đề nghị anh Mai Đức T1 phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hoài T.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 24/4/2025, bị đơn anh Mai Đức T1 vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ra quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất và ấn định thời gian, địa điểm mở phiên tòa lần thứ hai vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 08/5/2025, tại Hội trường xét xử -Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 27/4/2025 anh Mai Đức T1 về Việt Nam, có bản tự khai đề ngày 06/5/2025 với nội dung: anh Mai Đức T1 và chị Phạm Hoài T kết hôn ngày 15/02/2016 tại UBND phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh T1 có bảo lãnh và đón chị T sang N từ tháng 04/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 có xảy ra mâu thuẫn tình cảm nhưng đã giải quyết và tiếp tục chung sống hạnh phúc đến ngày 01/6/2024. Từ ngày 01/6/2024 anh T1 và chị T sống ly thân, qua nhiều lần nói chuyện nhưng anh T1 cảm thấy không thể tiếp tục hôn nhân với chị T, nên anh T1 đồng ý ly hôn với chị T. Đề nghị Tòa án cho anh T1 được nuôi dưỡng con chung là cháu Mai Nhã N, sinh ngày 23/7/2019, đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện cháu Mai Nhã N đang được ông bà ngoại trông giúp tại địa chỉ số D Đ, khu C, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình K và bà Nguyễn Thị T2 trình bày:* Chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 kết hôn ngày 15/02/2016 tại UBND phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh T1 quay về Nhật Bản sinh sống và làm việc, còn chị T về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại số D Đ,

khu C, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Năm 2016 anh T1 làm thủ tục cho chị T sang N đoàn tụ. Ngày 23/7/2019 chị T sinh 01 cháu gái, đặt tên là Mai Nhã N, cháu được sinh tại Nhật Bản. Tháng 01/2020 chị T đem con gái về cho ông bà ngoại của cháu nuôi từ đó đến nay, còn chị T và anh T1 vẫn ở lại Nhật Bản làm việc. Chị T thường xuyên gọi điện về hỏi thăm con gái và chu cấp tiền để ông bà nuôi dưỡng cháu N. Hiện chị T đang làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho chị T được ly hôn anh Mai Đức T1 và được nuôi con chung. Ông K, bà T2 đề nghị vẫn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu ngoại là Mai Nhã N cho đến khi mẹ cháu chị Phạm Hoài T về Việt Nam sinh sống và trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Do bận công việc, ông K bà T2 xin vắng mặt tại các buổi làm việc, cũng như các phiên tòa xét xử vụ án. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa bị đơn anh Mai Đức T1 trình bày:* anh T1 đồng ý ly hôn chị Phạm Hoài T và đề nghị Tòa án giao con chung cháu Mai Nhã N, sinh ngày 23/7/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) để đảm bảo quyền lợi ích và môi trường sống cho cháu. Anh T1 không phải cấp dưỡng cho con.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Hoài T như nêu trên. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh nhận thấy về trình tự, thủ tục ủy thác tư pháp đã đảm bảo, bị đơn anh Mai Đức T1 có mặt tại phiên tòa, chị T, anh T1 đều đồng ý ly hôn và đồng ý để chị Phạm Hoài T là người trực tiếp nuôi con chung, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Hoài T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Hoài T và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”; nguyên đơn chị Phạm Hoài T và bị đơn anh Mai Đức T1 hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn chị Phạm Hoài T; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình K và bà Nguyễn Thị T2 vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử

vắng mặt; bị đơn anh Mai Đức T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng đã có văn bản trình bày quan điểm và có mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và công bố các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 kết hôn ngày 15/02/2016 tại UBND phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, anh T1 sang Nhật Bản sinh sống và làm việc, năm 2016 anh T1 làm thủ tục cho chị T sang N đoàn tụ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 chị T anh T1 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tình cảm không còn, hiện anh chị đã sống ly thân. Chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 đều đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy: chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 không còn sống chung, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1.

[2.2] Về con chung: chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 có 01 con chung là cháu Mai Nhã N, sinh ngày 23/7/2019. Chị T và anh T1 đều đồng ý để Tòa án giao con chung cháu Mai Nhã N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy quan điểm của chị T và anh T1 về việc nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp với điều kiện của chị T cũng như môi trường sống của con chung nên chấp nhận giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Từ tháng 01/2020 đến nay, khi chị T, anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, cháu Mai Nhã N do ông bà ngoại là ông Phạm Đình K, bà Nguyễn Thị T2 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên tạm giao cháu Mai Nhã N cho ông Phạm Đình K, bà Nguyễn Thị T2 nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi chị Phạm Hoài T về Việt Nam.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 đều thống nhất anh T1 không phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Hoài T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 104 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Hoài T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Hoài T được ly hôn với anh Mai Đức T1.

[2] Về con chung: giao cho chị Phạm Hoài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Mai Nhã N, sinh ngày 23/7/2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Tạm giao con chung Mai Nhã N cho ông Phạm Đình K và bà Nguyễn Thị T2 nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian chị T không ở Việt Nam.

Sau khi ly hôn, anh Mai Đức T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nếu anh Mai Đức T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phạm Hoài T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Hoặc nhận thấy chị Phạm Hoài T không đủ điều kiện trực tiếp nuôi con thì anh Mai Đức T1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 đều thống nhất anh T1 không phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Hoài T và anh Mai Đức T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: chị Phạm Hoài T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005866 ngày 24/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Phạm Hoài T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; anh Mai Đức T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường V, TP. H, tỉnh Hải Dương
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trí Chính

